

Bản án số: 124/2024/HS-ST
Ngày: 23/5/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH - TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Kim Hoa – Giáo viên nghỉ hưu.
2. Ông Trần Đức Hào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa:
Bà Tăng Thị Mỹ Nương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 112/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đậu Văn T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 12 tháng 4 năm 2007 tại huyện H, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKNKTT: H, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đậu Văn H; Con bà: Đoàn Thị T1; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự, tiền án: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện theo pháp luật của bị cáo: Bà Đoàn Thị T1, sinh năm 1980; Trú tại: H, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (Là mẹ đẻ của bị cáo); Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trần Thị Thu H1 - Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh N; Có mặt.

- Đại diện Ban chấp hành Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An: Ông Nguyễn Như T2 – Bí thư Đoàn phường; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1980; Trú tại: khối T, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Đinh Thị Minh C, sinh năm 2003; Trú tại: khối A, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 06/03/2024, Đậu Văn T sau khi chơi điện tử tại quán Internet tại đường N, thuộc phường H, thành phố V thì T đi bộ đến Nhà văn hóa K1, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An để chơi. Đến 21 giờ 15 phút ngày 06/03/2024, Đậu Văn T phát hiện thấy 01 (một) chiếc xe máy điện nhãn hiệu DIBAO, màu xanh xám, BKS: MĐ4-03363 của bà Nguyễn Thị K (Bà Nguyễn Thị Kim m chiếc xe máy điện của con gái là chị Đinh Thị Minh C) dựng ở vỉa hè, trước Nhà V, phường H, chìa khóa được để trong hộc của xe máy điện. Đậu Văn T quan sát thấy không có người trông coi nên đi đến, lấy chìa khóa để ở hộc xe máy điện, mở khóa rồi điều khiển chiếc xe máy điện về cất giấu tại nhà của anh Đậu Văn T3 (chú của Đậu Văn T) tại xóm V, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An.

Đến 6 giờ, ngày 07/03/2024, bà Nguyễn Thị K đến Công an phường H, thành phố V trình báo việc mất chiếc xe máy điện trên.

Đến 16 giờ, ngày 07/03/2024, Đậu Văn T đến Công an phường H, thành phố V đầu thú và giao nộp chiếc xe máy điện nhãn hiệu DIBAO màu xanh xám, BKS: MĐ4-03363.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 123/KL-ĐGTS ngày 12/03/2024 của Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An kết luận: “01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu DiBao, màu xanh xám, BKS: 37MĐ4-03363, số khung RL9YGEK13MAF00118, số máy QS60V1000W210807354162 đăng ký lần đầu tháng 01/2022, xe đã qua sử dụng, có giá trị 12.000.000 đồng” (Mười hai triệu đồng).

Tại cơ quan CSĐT Công an thành phố V, Đậu Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình;

* Vật chứng vụ án: 01 (một) chiếc xe máy điện nhãn hiệu DiBao, màu xanh xám, BKS:37 MĐ4-03363, số khung RL9YGEK13MAF00118, số máy QS60V1000W210807354162, xe đã qua sử dụng do Đậu Văn T giao nộp.

Ngày 25/03/2024, Cơ quan CSĐT Công an thành phố V ra Quyết định xử lý vật chứng số 867, trả lại chiếc xe máy trên cho bà Nguyễn Thị K;

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 25/03/2024, bà Nguyễn Thị K đã nhận lại chiếc xe máy điện trên nên bà K không yêu cầu bồi thường gì thêm và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị Minh C không có ý kiến gì.

Tại Bản cáo trạng số 126/CT-VKS-TPV ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An truy tố Đậu Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh giữ quyền công tố luận tội tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 90, 91, 101, 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Đậu Văn T từ 04 (B) đến 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo không tranh luận gì về phần tội danh, hành vi phạm tội mà có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ bị

cáo thành phần khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đầu thú và trả lại tài sản cho người bị hại khắc phục hậu quả, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên từ nhỏ bố mẹ phải gửi cho ông, bà và chú để đi làm, không trực tiếp chăm sóc nên bị cáo chịu sự thiệt thòi thiếu sự giáo dục của bố, mẹ; là người chưa thành niên phạm tội hiện đang đi học nên có nguyện vọng được tiếp tục đi học; gia đình bị cáo có công với cách mạng có ông nội được tặng thưởng Huy chương kháng chiến nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 điều 51; các điều 90, 91, 101 Bộ luật tố tụng hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị cho bị cáo được hưởng hình phạt 4 (bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng. Do bị cáo đang là học sinh nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Đại diện theo pháp luật của bị cáo đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Ban chấp hành Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã quy kết và không tranh luận gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không bổ sung gì về lời bào chữa.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo Đậu Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát quy kết. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Như vậy có đủ cơ sở kết luận:

Vào hồi 21 giờ 15 phút ngày 06/03/2024, tại khu vực vỉa hè, trước Nhà văn hóa Khôi T, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Đậu Văn T có hành vi lên

lút, chiếm đoạt 01 (một) chiếc xe máy điện nhãn hiệu DiBao, màu xanh xám, BKS: 37MĐ4-03363 của bà Nguyễn Thị K, có trị giá 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Hành vi của bị cáo thực hiện đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 12.000.000 đồng nên tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.2]. Xét tính chất vụ án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng nhưng nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người bị hại được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn thành phố V. Hành vi Trộm cắp tài sản của của bị cáo là hành vi trái pháp luật, đáng lên án. Vì vậy, cần xử phạt nghiêm minh đối với bị cáo.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đầu thú và tự nguyện giao nộp tài sản chiếm đoạt, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo có công với cách mạng ông nội được tặng thưởng huy chương kháng chiến nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Khi phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng điều 90, điều 91, điều 101 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo là người chưa thành niên phạm tội. Do đó cho bị cáo được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo giáo dục tại địa phương theo quy định tại điều 54 và điều 65 BLHS cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo như mức hình phạt thấp nhất của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị và người bào chữa của bị cáo đề nghị là có căn cứ và phù hợp.

[2.3]. Đối với loại tội này, ngoài hình phạt chính còn có thể áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền nhưng bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[2.4]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Người bị hại bà Nguyễn Thị K đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, quá trình điều tra bà K không yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị Minh C không có ý kiến gì nên miễn xét.

[2.5]. Về xử lý vật chứng: 01 (một) chiếc xe máy điện nhãn hiệu DiBao, màu xanh xám, BKS:37 MĐ4-03363, số khung RL9YGEK13MAF00118, số máy QS60V1000W210807354162, xe đã qua sử dụng do Đậu Văn T giao nộp. Ngày 25/03/2024, Cơ quan CSĐT Công an thành phố V ra Quyết định xử lý vật chứng số 867, trả lại chiếc xe máy trên cho bà Nguyễn Thị K nên Hội đồng xét xử không xem xét;

[2.6]. Sau khi Đậu Văn T lấy trộm chiếc xe máy điện nhãn hiệu DiBao màu xanh xám, BKS 37MĐ4-03363, T đưa xe về cất giấu tại nhà anh Đậu Văn

T3, anh T3 không biết chiếc xe máy điện trên do T trộm cắp nên anh T3 không phạm tội.

[2.7]. Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; điều 90; điều 91; điều 101; điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt Đẩu Văn T 04 (Bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 23/5/2024.

Giao bị cáo cho UBND phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Đẩu Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo, Người bào chữa cho bị cáo, Người đại diện theo pháp luật của bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An; Bị hại và Người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND thành phố Vinh;
- Chi cục THADS thành phố Vinh;
- Công an thành phố Vinh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Thanh Hương